

An Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2025

## KẾ HOẠCH Vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 11/2025

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương về Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Căn cứ Công văn số 6629/EVN SPC ngày 28/08/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch cung cấp điện;

Căn cứ Phương thức 2626/SSO-PT ngày 29/10/2025 của Trung tâm Điều độ HTĐ miền Nam (SSO) về việc phương thức vận hành HTĐ miền Nam tháng 11/2025.

Công ty Điện lực An Giang (PCAG) lập kế hoạch vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 11/2025 như sau:

### I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH THÁNG 10/2025

Trong tháng 10/2025, PCAG đã đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sản lượng điện nhận tháng 10/2025 đạt 538,4 triệu kWh (đã bao gồm điện nhận từ năng lượng mặt trời), thấp hơn 4,5% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng bình quân ngày là 17,3 triệu kWh, sản lượng ngày cao nhất đạt 18,9 triệu kWh (ngày 26/10/2025) và công suất ngày cao nhất là 918,1 MW (ngày 21/10/2025).

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 10		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2025	Năm 2024	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	538.398.608	564.273.609	-4,59
		A ngày tb (kWh)	17.367.697	18.202.374	-4,59
		A ngày max (kWh)	18.957.670	18.741.169	1,16
		A ngày min (kWh)	15.274.724	15.068.533	1,37
2	Công suất	P max (MW)	918,1	894	2,70
		P min (MW)	440	414	6,28

### 1. Các chỉ tiêu kỹ thuật – vận hành

#### 1.1. Tình hình mất điện

Mất điện do sự cố nguồn: Không.

#### 1.2. Tình hình vận hành hệ thống điện

- Về đường dây 110kV

+ Đường dây 110kV thường xuyên vận hành trên 80%: Không.

### - Về trạm 110kV

+ Các MBA: T1 An Châu, T2 An Châu, T2 An Biên, T2 Phú Tân đầy tải ngắn hạn >80% do chuyển tải phục vụ công tác.

+ MBA T1 Tri Tôn, T1 Hà Tiên, T2 Hòn Đất, T2 Kiên Lương 2: một số ngày nắng tốt, công suất phát ngược từ lưới 22kV lên lưới 110kV trong khoảng thời gian từ 10:00 - 14:00.

### 1.3. Độ tin cậy cung cấp điện (phân phối)

Tháng 10 và lũy kế 10 tháng: Thực hiện đạt 03 chỉ tiêu MAIFI, SAIDI và SAIFI.

Thực hiện/Kế hoạch	Năm 2025 (Phân phối)			Năm 2024 (Phân phối)			So sánh thực hiện năm 2025/năm 2024 (Phân phối)		
	MAIFI (lần)	SAIDI (phút)	SAIFI (lần)	MAIFI (lần)	SAIDI (phút)	SAIFI (lần)	MAIFI [%]	SAIDI [%]	SAIFI [%]
T/h Tháng 10	0,009	28,38	0,176	0,014	20,29	0,141	-33%	40%	25%
Lũy kế 10 tháng	0,522	176,89	1,220	0,869	207,57	1,757	-40%	-15%	-31%
Thực hiện 10T/KH năm	22%	72%	53%	36%	82%	74%	-39%	-13%	-28%
Kế hoạch năm	2,39	247	2,29	2,43	253	2,37			

### 1.4. Về sự cố lưới điện

#### 1.4.1. Sự cố lưới 22kV:

##### 1.4.1.1. Tháng 10/2025:

Tháng 10/2025 xảy ra 23 vụ sự cố, giảm 03 vụ so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó sự cố KD là 15 vụ, giảm 7 vụ; sự cố TQ là 8 vụ, tăng 4 vụ so với cùng kỳ; sự cố TBA 03 vụ, cao hơn 01 vụ so với cùng kỳ năm 2024.

Lũy kế 10 tháng năm 2025, xảy ra 259 vụ sự cố, giảm 78 vụ so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó sự cố KD là 156 vụ, giảm 97 vụ; sự cố TQ là 96 vụ, tăng 24 vụ; sự cố TBA 10 vụ, giảm 08 vụ so với cùng kỳ năm 2024.

##### 1.4.2. Sự cố lưới 110kV:

Tháng 10/2025: Không có.

Lũy kế 10 tháng 2025, xảy ra 04 vụ sự cố, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó sự cố KD là 03 vụ, tăng 01 vụ so với cùng kỳ; sự cố TQ là 00 vụ, bằng vụ so với cùng kỳ, sự cố TBA 01 vụ, bằng so với vụ so với cùng kỳ.

### 2. Tình hình điện áp thấp, mang tải cao, đầy/quá tải

- Điện áp thấp: Không.

- Đường dây 22kV mang tải cao (>300A): 471 Phú Quốc, 477 Phú Quốc, 477 Hà Tiên, 471 Chung Sư, 471 Long Xuyên, 475 Long Xuyên, 482 Long Xuyên, 472 An Châu, 481 An Châu.

### 3. Tình hình huy động công suất nguồn điện mặt trời mái nhà

Thực hiện huy động công suất tối đa nguồn điện mặt trời mái nhà theo phân bổ hàng tuần của Tổng công ty, cụ thể:

- Ngày 01/10/2025 - 03/10/2025: từ 9:30 - 13:00: huy động 173,98 MW/395MW
- Ngày 04/10/2025: từ 8:00 - 14:30: huy động 134,52 MW/395MW
- Ngày 05/10/2025: từ 09:30 đến 12h30: huy động 183,99MW/395MW
- Ngày 06/10/2025 - 10/10/2025: từ 08:00 - 14:00: huy động 165,75MW /395MW
- Ngày 11/10/2025: từ 08:30 - 14:30: huy động 142,55 MW/395MW
- Ngày 12/10/2025: từ 07:30 - 14:30: huy động 123,32 MW/395MW
- Ngày 23/10/2025 - 17/10/2025: từ 8:00 - 13:30: huy động 156,04 MW/395MW
- Ngày 18/10/2025 - 24/10/2025: từ 8:00 - 15:00 huy động 160,30MW/ 395MW
- Ngày 25/10/2025: từ 10:00 - 14:30: huy động 161,39MW/395MW
- Ngày 26/10/2025: từ 6:30 - 15:00: huy động 99,13MW/395MW
- Ngày 27/10/2025 – 31/10/2025: từ 7:00 - 12:30: huy động 136,9 MW/395MW

## II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THÁNG 11/2025

### 1. Dự kiến sản lượng điện nhận, công suất

- Sản lượng điện nhận dự kiến: 527 triệu kWh, giảm 2% so với tháng 10/2025.
- Công suất lớn nhất trong tháng: Pmax ~ 946 MW.
- Công suất nhỏ nhất trong tháng: Pmin ~ 445 MW.

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 11		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2025	Năm 2024	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	527.630.636	498.660.488	5,81
		A ngày tb (kWh)	17.587.688	16.622.016	5,81
		A ngày max (kWh)	17.980.253	17.359.379	3,58
		A ngày min (kWh)	15.732.966	14.736.771	6,76
2	Công suất	P max (MW)	946	904	4,65
		P min (MW)	445	420	5,95

### 2. Kế hoạch huy động nguồn điện năng lượng mặt trời

- NMD mặt trời Bình Hòa 10MW: Huy động công suất phát tối đa theo phân bổ trên trang web: [www.thitruongdien.evn.vn](http://www.thitruongdien.evn.vn) của đơn vị Điều độ HTĐ quốc gia.

- Nguồn năng lượng mặt trời mái nhà: Thực hiện theo văn bản công bố công suất huy động tối đa nguồn năng lượng mặt trời mái nhà hàng tuần của Tổng công ty.

### 3. Kết dây cơ bản lưới điện 110kV

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
1.	Long Xuyên	MC 171	Thường mở	MBA T1, T2 nguồn Long Xuyên 2
2.	An Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Long Xuyên 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
3.	Chợ Mới	MC 412	Thường mở	Trạm nhận nguồn Cao Lãnh 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
4.	Phú Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 ĐZ 110kV cấp T2 Hồng Ngự
5.	Cái Dầu	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
6.	Châu Đốc	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
7.	Tri Tôn	MC 132	Thường mở	MBA T1 cấp C41, C42 MBA T2 vận hành kinh tế
8.	Thoại Sơn	MC 131	Thường mở	MBA T2 cấp C41, C42 MBA T1 vận hành kinh tế
9.	Phú Tân	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2
10.	An Phú	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
11.	Hòn Đất	MC 171	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T2 cấp C42
12.	Kiên Lương 2	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
13.	Hà Tiên	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
14.	Rạch Giá	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42

#### 4. Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Theo phụ lục đính kèm.

#### 5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới 110kV, 22kV

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 110kV tháng 11/2025:

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
- Đường dây: 174 Rạch Giá 2 - 171 Giồng Riềng	07/11/2025 00:00	07/10/2025 17:00	Công ty Truyền tải công tác: SCL: Thay, đóng điện MC 174; Kiểm định đo lường TU C12
- Đường dây: 174 Rạch Giá 2 - 171 Giồng Riềng	07/11/2025 06:00	09/11/2025 17:00	Khắc phục các tồn tại công trình phân pha đđ 174 Rạch Giá 2 - 171 Giồng Riềng
- Trạm 110KV Cái Dầu: MC 132, MBA T2, MC 432:	07/11/2025 06:00	07/10/2025 17:00	Thay tủ điều khiển từ xa, tại chỗ, đồng hồ nhiệt độ dầu, cuộn dây MBA T2 trạm 110kV Cái Dầu.
- Trạm 110KV Tri Tôn: MC 132, MBA T2, MC 432, TC C42	09/11/2025 06:00	09/11/2025 17:00	Thay TUC42 trạm 110kV Tri Tôn; Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026.

<b>Tên thiết bị, đường dây</b>	<b>Thời gian bắt đầu</b>	<b>Thời gian kết thúc</b>	<b>Nội dung công việc</b>
- Cô lập đường dây 110kV 176 Long Xuyên 2 - 172 An Châu	10/11/2025 06:00	14/10/2025 17:00	Cty CP Tập Đoàn Thành Huy khoan cọc nhồi vị trí trụ T4, T5 máy khoan cần vượt qua tỉnh không tại khoảng trụ N31 - N32 của đường dây 176 Long Xuyên 2 - 172 An Châu
- Cô lập đường dây 110kV 172 Kiên Bình – 171 Hà Tiên	11/11/2025 07:00	11/11/2025 17:00	Công ty Truyền tải TNĐK: 03 năm MC172, TU172 pha B; 03 năm DCL 172-1, DCL 172-2, DCL 172-7; Kiểm định đo lường TI172
- Trạm 110KV Cái Dầu: MC 132, MBA T2, MC 432	14/11/2025 06:00	14/11/2025 17:00	Thay chống sét van LA 1T1 trạm 110kV Cái Dầu.
- Cô lập đường dây 110kV 110kV 171 Châu Đốc 2 - 173 Cái Dầu:	15/11/2025 06:00	15/11/2025 17:00	Thay 02 bát sứ pha B trụ 171 đường dây 110kV Châu Đốc 2 - Cái Dầu (kết hợp công tác PTC04
-Cô lập đường dây 110kV 176 Long Xuyên 2 - 172 An Châu	16/11/2025 06:00	30/11/2025 17:00	Cty CP Tập Đoàn Thành Huy khoan cọc nhồi vị trí trụ T4, T5 máy khoan cần vượt qua tỉnh không tại khoảng trụ N31-N32 đđ 176 Long Xuyên 2 - 172 An Châu
- Trạm 110KV Phú Tân: MC 172, MC 112, MC 171, MC 131, MC 132, MBA T1, MBA T2, MC 431, MC432, Thanh cái C41 + C42 - Cô lập đường dây 110kV 172 Cái Dầu - 171 Phú Tân; Cô lập đường dây 110kV 172 Chợ Mới - 172 Phú Tân	16/11/2025 06:00	16/11/2025 17:00	Thay thay dây dẫn 400 thành 700 và các kẹp cực liên quan ngăn C11, C12, 112 và ngăn 100-9; Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026.
-Trạm 110kV Tri Tôn: MC 132, MBA T2, MC 432.	22/11/2025 06:00	23/11/2025 17:00	- Thay dàn hợp bộ thanh cái C41, thay cáp ngầm lộ tổng 431 trạm 110kV Tri Tôn. - Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026.
-Trạm 110KV Phú Quốc: MBA T2, MC 101, MBA T1, MC 131, MC 132, MC 172, DCL 101-7, DCL 132-2, DCL 172-7, DCL 131-2, DCL 172-2, MC 431, MC 432, TC C41, TC C42 - Đường dây 110kV 173 Hà Tiên – 172 Phú Quốc	23/11/2025 06:00	23/11/2025 17:00	Cải tạo hệ thống AC/DC; Thay F50/51 bằng F67 ngăn 131, 132; Lắp Ethernet Swich; Bổ sung mạch điều khiển OLTC F90 T1&T2; Lắp Card trung tâm, card bus; Lắp 6 chống sét đường dây 173 Hà Tiên- 172 Phú Quốc.

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
-Trạm 110kV An Phú: MC 112, MC 131, MBA T1, MC 431, Thanh cái C41 + C42, Thanh cái C12 - Đường dây 110kV 174 Châu Đốc 2 - 132 An Phú	29/11/2025 06:00	29/11/2025 17:00	- Thay tủ điều khiển từ xa MBA T2 trạm 110kV An Phú. - Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2025&2026.

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 22kV tháng 11/2025: Triển khai thi công các công trình ĐTXD, SCL.

### **6. Kế hoạch vận hành lưới 22kV, 110kV**

Vận hành theo kết dây cơ bản lưới điện 22kV, 110kV như hiện nay, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn; đảm bảo cấp điện cho các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án cung cấp điện để đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai trong mùa mưa bão; nắm bắt tình hình tại địa phương để có phương án cung ứng điện kịp thời.

Tăng cường công tác quản lý vận hành, kiểm tra hành lang ATLĐCA, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác tuyên truyền và xử lý; tăng cường công tác kiểm tra các vị trí xung yếu, các khu vực có nhiều cây cối, khu vực đông dân cư, khu vực có công trường xây dựng, khu vực có phụ tải tăng cao bất thường để có giải pháp phù hợp chi tiết triển khai tại từng khu vực nhằm giảm thiểu tối đa sự cố lưới điện.

Thực hiện huy động công suất ĐMTMN theo công bố công suất huy động của nguồn ĐMTMN tránh quá tải lưới điện.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình cải tạo nâng cấp, ĐTXD lưới điện đảm bảo hoàn thành công trình theo tiến độ được giao.

Thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo cung cấp điện năm 2025, phương án ứng phó mất cân đối cung cầu hệ thống điện, kế hoạch vận hành lưới điện tháng của PCAG, phương thức vận hành của SSO. Triển khai thực hiện đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong các tháng mùa mưa bão năm 2025./.

**Phụ lục : Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)**

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
1.	478 Long Xuyên	478 An Châu	478LX/110	LBS
2.	482 Long Xuyên	477 An Châu	482LX/137	MC
3.	480 Long Xuyên	479 Long Xuyên 2	472-480LX/56A	LBS
4.	473 Long Xuyên	473 Thới Thuận	472-473TT/14/23	MC
5.	475 Long Xuyên	472 Thới Thuận	472-473TT/14/19A	MC
6.	471 Long Xuyên 2	471 Thoại Sơn	473-471TS/215	LBS
7.	473 Long Xuyên 2	473 Thoại Sơn	473-471TS/214	LBS
8.	474 Thoại Sơn	477 Tri Tôn	474TS/415	LBS
9.	475 An Châu	473 Cái Dầu	473CD/202	MC
10.	481 An Châu	479 Tri Tôn	481AC/301	LBS
11.	471 Cái Dầu	472 Châu Đốc	471CD/189	LBS
12.	475 Cái Dầu	479 Tri Tôn	475CD/492	MC
13.	476 Cái Dầu	481 An Châu	481AC/323	LBS
14.	471 Tri Tôn	475 Tịnh Biên	471TT/318/220	DS
15.	478 Tri Tôn	481 Tịnh Biên	481TB/277	MC
16.	475 Châu Đốc	471 An Phú	475CĐ/79/32B/2A	LBS
17.	480 An Phú	472 Phú Châu	472PC/134	LBS
18.	482 An Phú	476 Phú Châu	472PC/118.157.3	LBS
19.	476 Phú Châu	475 Phú Tân	474PC/66.108	MC
20.	477 Phú Châu	480 Phú Tân	477PC/341	MC
21.	473 Phú Tân	471 Chợ Mới	475PT/346	LBS
22.	473 Phú Tân	472 Chợ Mới	482CM/121	MC
23.	479 Chợ Mới	472 Hội An	475TH/372	LBS
24.	472 Hội An	475 Thạnh Hưng	475TH/46	MC
25.	480 Hội An	482 Chợ Mới	480-482CM/264	DS
26.	482 Hội An	482 Thạnh Hưng	477TH/146	MC
27.	478 Châu Đốc	479 Tịnh Biên	471CĐ/179	MC
28.	471 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	471RG/86	DS
29.	475 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	475RG/97	DS
30.	475 Rạch Giá	480 Vĩnh Quang	475RG/81/1	LBS
31.	474 Rạch Giá	472 Vĩnh Quang	474RG/95	DS
32.	476 Rạch Giá	471 Chung Sư	471-473CS/90	LBS

<b>Stt</b>	<b>Phát tuyến 1</b>	<b>Phát tuyến 2</b>	<b>Vị trí trụ</b>	<b>Thiết bị thường mở</b>
33.	476 Rạch Giá	477 Chung Sư	471CS/3/88	DS
34.	478 Rạch Giá	473 Chung Sư	471-473CS-476-478RG/5P	LBS
35.	474 Vĩnh Quang	474 Hòn Đất	474HĐ/270	LBS
36.	471 Chung Sư	474 Rạch Giá	474RG/38D/78	LBS
37.	475 Chung Sư	475 Thạnh Đông	475CS/475TĐ/95	LBS
38.	477 Chung Sư	477 Thạnh Đông	477TĐ/477CS/112	LBS
39.	476 Minh Phong	477 Giồng Riềng	476MP/183	LBS
40.	478 Minh Phong	473 Chung Sư	478MP/185A	LBS
41.	480 Minh Phong	471 Chung Sư	478MP/471/2	LBS
42.	471 Minh Phong	472 An Biên	472AB/159	LBS
43.	477 Thạnh Đông	471 Giồng Riềng	472GR/131	LBS
44.	472 Thạnh Đông	478 Vĩnh Thạnh (PC Cần Thơ QLVH)	478VT/367 (Cần Thơ QLVH)	LBS
45.	477 Giồng Riềng	481 Gò Quao	481GQ/253	LBS
46.	479 Gò Quao	471 Vị Thanh (PC Cần Thơ QLVH)	471VT/390	MC
47.	478 An Biên	473 U Minh Thượng	478AB/39	MC
48.	472 An Biên	479 U Minh Thượng	472AB/138/5P	MC
49.	471 U MinhThượng	474 Vĩnh Thuận	471UMT/132	MC
50.	478 Vĩnh Thuận	476 An Xuyên (PC Cà Mau QLVH)	478VT/102	MC
51.	472 Hòn Đất	471 Kiên Lương 2	472HĐ/265	LBS
52.	477 Kiên Lương 2	480 Hà Tiên	477KL2/130	LBS
53.	475 Hà Tiên	471 Tri Tôn	475HT/343	LBS
54.	473 Phú Quốc	471 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/242	LBS
55.	475 Phú Quốc	473 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/246	LBS
56.	480 Phú Quốc	475 Nam Phú Quốc	472PQ/157/14	LBS